

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D
2	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E
3	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK
4	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ
5	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI
6	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ
7	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S
8	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X
9	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ
10	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC
11	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK
12	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV
13	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A
14	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B
15	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hoá xuất khẩu đi Châu Phi)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
16	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)
17	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru
18	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ
19	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela
20	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập
21	1.001370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa
22	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau
23	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)
24	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng
25	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP
26	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK
27	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU
28	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1
29	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA
30	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP
31	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)
32	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
33	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9
34	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận cho tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
35	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
36		Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VI